

BIẾN ĐỔI SINH KẾ CỦA NGƯỜI TÀY Ở THÔN BẢN THẦU, XÃ TÂN THANH, HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

PHẠM THỊ THU HÀ

Ở đầu

Sinh kế là hoạt động tất yếu của con người để tồn tại, thể hiện qua cách thức mà con người tác động vào tự nhiên, môi trường để tạo ra của cải vật chất nhằm đảm bảo cuộc sống của mình. Sinh kế cũng là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa tộc người, có mối quan hệ hữu cơ với văn hóa đảm bảo đời sống (văn hóa vật chất), văn hóa xã hội (cấu trúc, thiết chế, các quan hệ xã hội) và văn hóa nhận thức (tri thức, tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ...). Mặt khác, sinh kế còn có quan hệ mật thiết với các yếu tố môi sinh (tự nhiên và xã hội), có giao lưu, tiếp nhận và trao đổi với các cộng đồng khác. Chính điều đó làm cho văn hóa cũng như sinh kế tộc người luôn có những thích ứng để sinh tồn và phát triển.

Khu vực biên giới Việt - Trung, trong đó có tỉnh Lạng Sơn là nơi không chỉ có đường biên giới quốc gia mà còn có những đặc điểm lịch sử, kinh tế và văn hóa rất riêng cần được nghiên cứu. Trong tiềm thức của người dân trước đây, vùng biên giới Lạng Sơn được hình dung là nơi “*son cùng thủy tận*”, xa xôi hẻo lánh hay còn gọi là “*miền biên viễn*”. Dưới thời phong kiến Việt Nam, các vua chúa vẫn coi “*miền biên viễn*” là nơi lam sơn chướng khí, khó cai trị nên thường

thu phục các tù trưởng địa phương để thực thi chiến lược bảo toàn lãnh thổ. Đây còn là địa bàn hoạt động xuyên biên giới nổi tiếng của những nhân vật được biết đến trong lịch sử như Nùng Trí Cao, Lưu Vĩnh Phúc và cũng là nơi ẩn tích của nhà Mạc. Dưới thời thực dân, các nhà tù khét tiếng cũng được lập ra ở vùng biên này nhằm đày ải tù nhân. Song, lịch sử đã thay đổi, vùng biên viễn hiểm trở xưa ấy, nay đang trở thành một khu vực kinh tế năng động với các mối giao lưu kinh tế - văn hóa và xã hội xuyên biên giới, thu hút một lượng lớn cư dân đến sinh cơ lập nghiệp. Do đó, nghiên cứu những đổi thay đang diễn ra ở đây có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm góp phần vào quá trình xây dựng chiến lược phát triển vùng biên mà trong đó, yếu tố con người phải được quan tâm như là chủ thể của mọi chương trình phát triển ở khu vực này.

Tân Thanh là một trong những xã biên giới thuộc huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn, nằm trong khu kinh tế cửa khẩu Tân Thanh - Pò Chài, phía Đông giáp Trung Quốc, có đường biên dài 8km, dân cư chủ yếu là người Tày, Nùng. Xã Tân Thanh có nền kinh tế thương mại - dịch vụ khá phát triển từ nhiều năm trở lại đây, trong đó cửa khẩu Tân Thanh là nơi gặp gỡ, giao lưu, trao đổi mua bán giữa người Tày với cư dân ở bên kia

biên giới. Các hoạt động này đang tạo nên sự biến chuyển lớn về sinh kế, văn hóa, xã hội của người Tày.

Xã Tân Thanh có diện tích tự nhiên 2.719,98ha với dân số 4.813 người, nhưng trên thực tế, số có hộ khẩu tại xã chỉ 2.010 người, phần còn lại là dân đến tạm trú làm ăn theo thời vụ. Trước năm 1990, cộng đồng dân cư toàn xã chỉ 6 thôn: Bản Đuốc, Bản Thầu, Nà Tông, Nà Ngườm, Nà Han, Nà Lầu. Trong thời gian 1990 - 2010, do xây dựng khu kinh tế cửa khẩu nên có thêm khu I và khu II. Xã Tân Thanh hiện nay có 3 dân tộc sinh sống chủ yếu: Nùng (53,02%), Tày (43%), Kinh (3,69%), các dân tộc khác chỉ chiếm 0,29%. Bản Thầu là một trong hai thôn giáp biên của xã, có diện tích 453,33ha, gồm 86 hộ, hầu hết là người Tày. Do nằm trong khu kinh tế cửa khẩu nên thôn chịu tác động mạnh bởi kinh tế thị trường và du nhập văn hóa so với các thôn khác, làm cho các nhóm xã hội nghề nghiệp cũng đa dạng hơn.

Bài viết này tập trung tìm hiểu sự biến đổi trong sinh kế của người Tày ở thôn Bản Thầu kể từ năm 1986 - thời điểm tiến hành công cuộc Đổi mới đến nay.

1. Những đặc trưng trong sinh kế truyền thống của người Tày ở thôn Bản Thầu

Dựa vào những ưu thế về tài nguyên thiên nhiên cũng như vị trí địa lý thuận lợi, cận kề với đồng bằng Bắc Bộ, tiếp giáp với Trung Quốc nên các hình thức sinh kế truyền thống của người Tày ở Bản Thầu khá đa dạng và phong phú.

Từ lâu đời, canh tác ruộng nước là hoạt động kinh tế chính của người Tày ở Bản Thầu. Ngoài ra, đồng bào còn canh tác nương rẫy, làm vườn, trồng cây đặc sản như

hồi, trâu, thuốc lá... Ngoài trồng trọt, họ còn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong nền kinh tế nông nghiệp, chăn nuôi là một bộ phận không thể thiếu. Song, ở người Tày, chăn nuôi chưa bao giờ trở thành một ngành sản xuất chính mà chỉ mang tính hỗ trợ cho trồng trọt. Bên cạnh đó, cơ cấu ngành nghề thủ công truyền thống của người Tày ở đây cũng khá phát triển, gồm các nghề như đúc lưỡi cày, chế tác cày bừa bằng gỗ, ép mía, nung gạch ngói, mộc, làm bàn ghế trúc... Tuy nhiên, phân công lao động trong hoạt động thủ công nghiệp hoàn toàn mang tính tự nhiên, theo giới, chưa đạt đến trình độ sản xuất làng nghề hoặc đội ngũ thợ chuyên nghiệp. Do hoạt động sinh kế chủ yếu dựa vào thiên nhiên nên đồng bào rất chú trọng khai thác các nguồn lợi sẵn có trong tự nhiên. Nếu như trồng trọt giải quyết nhu cầu về lương thực thì hái lượm và săn bắt cơ bản đáp ứng được nhu cầu về rau và thực phẩm trong các bữa ăn hàng ngày. Đã từ lâu, việc trao đổi, mua bán khá phát triển, nhưng chủ yếu diễn ra ở chợ Na Sầm và Đồng Đăng.

Nhìn chung, sinh kế truyền thống của người Tày ở Bản Thầu còn mang tính chất tự cấp, tự túc. Đồng bào đã biết tận dụng các thế mạnh của tài nguyên thiên nhiên sẵn có, đồng thời cũng thể hiện được những thích ứng của tộc người với môi trường sinh thái thung lũng.

2. Những biến đổi trong sinh kế của người Tày ở thôn Bản Thầu

2.1. Đổi mới trong trồng trọt

Nét nổi bật trong hoạt động trồng trọt của người Tày ở Bản Thầu từ năm 1986 đến nay là sự phát triển nhanh chóng, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vừa đảm bảo nhu cầu

lượng thực, vừa tạo ra sản phẩm hàng hóa. Trước đây, việc trồng lúa hay hoa màu chỉ tập trung vào một loại giống, tức năm nay cây loại giống nào thì đồng bào chọn những giống ấy để cho năm sau. Vì thế, khi thu hoạch thường không mang lại năng suất cao, thậm chí giống cây trồng còn bị thoái hóa, biến đổi gen. Hiện nay, với sự thay đổi tư duy, người Tày ở Bản Thầu đã biết ứng dụng các giống lúa và hoa màu mới cho năng suất cao để đưa vào canh tác, nhưng họ vẫn phải lựa chọn loại giống cây nào phù hợp với chất đất ở địa phương thì mới gieo trồng. Từ khoảng đầu những năm 90 thế kỷ trước, đồng bào đã sử dụng các giống lúa lai LS1, NU 838 và nhiều giống ngô cao sản như NK 54, NK 66, NK 67...

Bên cạnh đó, các loại cây lương thực, cây ăn quả, rau, đậu và cây công nghiệp gần đây đều được người dân Tày ở Bản Thầu phát triển theo hướng thâm canh trên cơ sở tăng cường đầu tư với những nỗ lực bước đầu về đổi mới công nghệ - kỹ thuật. Đặc biệt, từ vài năm trở lại đây, người Tày ở Bản Thầu đã tiến hành cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tạo ra bước ngoặt để giảm sức lao động, tăng nhanh vòng quay của đất, đưa năng suất cây trồng lên cao. Hiện nay hầu hết các gia đình trong bản đã có máy cày, máy tuốt lúa... Chỉ một vài hộ còn khó khăn về kinh tế mới chung vốn với 2 - 3 nhà để mua máy cày. Bên cạnh đó, do mật độ dân số ngày càng tăng cao và gây sức ép đối với vấn đề ruộng đất nên người Tày ở Bản Thầu ngày càng chú trọng sử dụng các loại phân bón hóa học như phân đạm, lân, NPK...

2.2. Đổi mới trong chăn nuôi

Như đã trình bày, trước đây, việc chăn nuôi trâu, bò là một thế mạnh trong kinh tế

của người Tày ở Bản Thầu nhằm lấy sức kéo trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời còn để giải quyết những công việc lớn của gia đình như làm nhà, cưới xin, tang ma... Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, việc nuôi trâu ở các hộ gia đình người Tày rất ít do hạn chế về bãi chăn thả. Mặt khác, do kinh tế ngày càng phát triển nên các gia đình đều sử dụng máy móc trong nông nghiệp, giúp cho quá trình sản xuất tiện lợi hơn. Vì vậy, khảo sát thực địa vào tháng 12 năm 2011 cho thấy, trong tổng số 86 hộ người Tày ở Bản Thầu chỉ có 5 con trâu.

Đối với gia súc nhỏ và gia cầm như lợn, gà, vịt lại được người Tày ở Bản Thầu chú trọng đầu tư nuôi khá nhiều với cách thức chăn nuôi cũng mang tính công nghiệp hơn. Đặc biệt, chuồng trại đã được làm cao ráo, thoáng mát, thức ăn chăn nuôi đã không còn phụ thuộc vào tự nhiên như trước đây mà chủ yếu bằng cám công nghiệp kết hợp với một số sản phẩm trồng trọt như bột ngô, bột sắn. Do đó, thời gian chăn nuôi được rút ngắn, làm cho lợn, gà, vịt đã trở thành sản phẩm hàng hóa đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình.

Rõ ràng, so với tập quán cổ truyền, tư duy và cách thức chăn nuôi hiện nay của người Tày ở Bản Thầu đã có sự thay đổi nhiều trên cơ sở gắn với cơ chế thị trường và ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Nhờ đó, họ đã chuyển đổi giống vật nuôi nhằm thích ứng với điều kiện, nhu cầu của thị trường và tình hình thực tiễn ở địa phương.

2.3. Sinh kế từ rừng

Đối với cư dân miền núi, rừng có vai trò rất quan trọng bởi rừng, đất rừng có những đóng góp to lớn tới sinh kế và phúc

lợi của họ như tạo thu nhập, cung cấp lương thực thiết yếu, giảm nhẹ những thiệt hại khi mùa màng thất bát, khi không có công ăn việc làm hay khi gặp những khó khăn khác. Ngoài việc lên rừng lấy củi, thu hái lâm thổ sản như rau rừng, măng, nấm, mộc nhĩ... phục vụ thường xuyên cho đời sống hàng ngày, người Tày ở Bản Thầu hiện nay còn có một công việc khác để tạo ra nguồn thu nhập, đó là đốt than củi để bán. Họ mang than củi đi bán ngay tại cửa khẩu Tân Thanh, nhưng cũng có nhiều người mang sang tận Trung Quốc bán. Giá thành một cân than dao động từ 15.000 đến 20.000 đồng và được bán theo bao, mỗi bao khoảng 30kg. Than được người dân mua về chủ yếu để nướng đồ ăn hay sưởi ấm vào mùa đông. Tuy vậy, việc chặt củi đốt than chỉ được đồng bào tiến hành vào khoảng tháng 11 - 12 âm lịch, trong thời gian nông nhàn. Đây còn là khoảng thời gian mùa đông, thời tiết giá rét nên nhu cầu tiêu thụ than cao hơn. Vì thế, việc đốt than củi để bán cũng chỉ mang tính làm thêm sau vụ mùa. Ông Hoàng Văn Điền, người Tày ở Bản Thầu cho biết: “Bán than mang lại thu nhập nhưng lại gây ra phá rừng và việc đốt than cũng có mùa nên nguồn thu nhập này cũng không phải là thường xuyên”.

2.4. Lao động làm thuê

Đối với nhiều dân tộc ở nước ta hiện nay, đi làm thuê đã trở thành một hiện tượng khá phổ biến và rất bình thường trong quy luật phát triển kinh tế. Việc làm thuê là hệ quả tất yếu trong điều kiện thiếu việc làm và nhu cầu nâng cao thu nhập của người dân. Từ bối cảnh này, khi nhìn vào thực tế của người Tày ở Bản Thầu, với bình quân ruộng nước mỗi hộ khoảng 1 - 2 sào, trong khi

nương rẫy không đáng kể và rừng ngày càng bị thu hẹp thì hầu hết các hộ gia đình ở đây phải tìm kiếm nguồn thu nhập bằng cách làm thuê dưới nhiều hình thức.

2.4.1. Làm thuê bên Trung Quốc

Nghiên cứu tại Bản Thầu cho thấy, hiện nay có khá nhiều người Tày sang Trung Quốc làm thuê qua các kênh như: chủ thuê lao động dẫn đường, qua người môi giới hoặc qua người quen. Họ thường đi làm theo thời vụ, nhất là sau thu hoạch mùa màng: có thể đi ngắn ngày như sáng đi, tối về, cũng có thể đi cả tuần hoặc lâu hơn. Những công việc chủ yếu mà người Tày ở đây sang Trung Quốc làm thuê là: trồng và thu hoạch mía, trong đó thu hoạch mía có nhiều người tham gia thường xuyên, chủ yếu từ tháng 10 âm lịch trở đi cho đến hết tết Nguyên đán; trồng rừng và thu hoạch từ rừng như trồng thông, bạch đàn, phát rẫy, xẻ rãnh, chăm sóc cây, chặt cây đến kỳ thu hoạch; bốc vác tại các bến tàu, bến xe của Trung Quốc; đi xây và sơn nhà cao tầng; làm ở công ty sản xuất nhựa cứng, đồ sứ; may quần áo; giúp việc nhà cho gia đình người Trung Quốc...

Trung bình mỗi ngày, người lao động Tày đi làm thuê ở bên Trung Quốc được trả 35 đồng tiền Trung Quốc (tương đương với khoảng 100.000 đồng) và được nuôi 3 bữa cơm. Địa điểm mà người Tày ở Bản Thầu sang Trung Quốc làm thuê chủ yếu là Pò Chải thuộc Bằng Tường - đối diện khu kinh tế cửa khẩu Tân Thanh. Bên cạnh đó, đồng bào còn đi sâu hơn vào những vùng nội địa của Trung Quốc như Nam Ninh, Phúc Kiến, Chiết Giang.

2.4.2. Cừu vạ/khuân vác

“Cừu vạ” (*cầu pỉnh*) là cách nói chửi, được hiểu đơn giản là nghề bốc vác, vạ

chuyển thuê. Nghề này cũng được nhiều người có sức khỏe lựa chọn để kiếm tiền mưu sinh nơi biên giới, trong đó có người Tày ở Bản Thầu. Qua phỏng vấn ông trưởng bản Bản Thầu được biết, khoảng hơn 80% người Tày nơi đây đi sang Pò Chài (Trung Quốc) làm nghề bốc vác thuê từ các xe hàng của Trung Quốc sang Việt Nam và ngược lại. Việc bốc hàng chủ yếu do thanh niên nam đảm nhiệm, còn việc vận chuyển hàng hóa từ Pò Chài sang cho các chủ hàng ở chợ Tân Thanh có cả nam và nữ tham gia. Phương tiện mà họ vận chuyển hàng chủ yếu là xe đạp 3 bánh, được mua ở Trung Quốc. Do xác định việc vận chuyển hàng hóa mang tính lâu dài nên hầu như mỗi nhà đều mua một chiếc xe này, với giá 1,2 - 1,5 triệu đồng. Những người tham gia vận chuyển hàng không phân biệt già - trẻ, nam - nữ và đặc biệt ở Bản Thầu, phụ nữ làm nghề vận chuyển này rất đông. Đội ngũ ấy tự hình thành nên các tổ, khi có nhu cầu, chủ hàng thường gọi điện cho tổ trưởng là chỉ trong chốc lát “cửu vạn” đã có mặt.

Một công việc khác của những người làm nghề “cửu vạn” là đi chờ hàng cho dân buôn lậu. Đây là những mặt hàng đắt tiền nên họ không vận chuyển qua đường chính ngạch mà phải qua những đường nhánh, đường mòn để trốn thuế. Chỉ cần người chủ (trùm) bỏ ra vài chục nghìn đồng cho một khối hàng thì những “cửu vạn” sẽ vượt biên và có trọng trách vận chuyển, băng rừng, trốn hải quan để giao hàng cho chủ. Chủ buôn không trực tiếp áp tải hàng mà khoán luôn cho những người chở thuê. Theo đó, người vận chuyển luôn gắn liền với giá trị số hàng được thuê, nếu mất thì phải đền toàn bộ số tiền tương ứng. Điều này khiến

cho “cửu vạn” có những hành vi táo bạo khi bị lực lượng chức năng phát hiện. Từ Bản Thầu, có rất nhiều đường mòn sang Trung Quốc, nhưng dụng cụ kèm theo mỗi người “cửu vạn” chỉ một đoạn dây thừng để gói hàng trên lưng. Công việc chờ hàng thường diễn ra vào ban đêm, khoảng 1 - 3 giờ, mỗi bao hàng vác được có giá 50.000 đồng. Đối với đội ngũ “cửu vạn” ở Đồng Đăng, họ lại tính tiền theo kg, khoảng 15.000 đồng/kg. Tuy nhiên, vác hàng cũng theo giờ bất định, chỉ khi nào ông trùm nhận được tín hiệu của *chim lợn* mới được xuất phát. *Chim lợn* là thuật ngữ chỉ những người chuyên cảnh giới lực lượng cảnh sát và cơ quan chức năng, sau đó báo cho “hoa tiêu” là chủ hàng để biết rằng phía dưới đường thông mới cho “cửu vạn” sang vác hàng. Đây là người đồng hành không thể thiếu đối với giới chạy hàng lậu ở vùng biên giới. Khi thấy phía trước có ánh đèn pin lóe lên rồi tắt phụt ngay thì đó là báo hiệu của *chim lợn* cho các chủ hàng và cửu vạn biết rằng đang có hải quan, nên mọi người cần “án binh bất động”. Phương tiện liên lạc của họ gồm bộ máy đàm và điện thoại di động dùng 2 sim số Việt Nam và Trung Quốc. Đây là trở ngại lớn cho các cơ quan chức năng chống buôn lậu ở vùng biên giới này.

Một bộ phận khác của “cửu vạn” ở Bản Thầu là chạy hàng lậu từ chân núi về các kho tập kết hàng bằng xe máy Minsk, ô tô “con cóc”. Những chiếc xe Minsk đổ thành từng hàng, chỉ chờ có tín hiệu thông đường là chạy. Họ buộc các thùng hàng lên xe rồi lao ra đường với tốc độ kinh hoàng. Đặc biệt, do quen đường nên dù chạy buổi tối, nhiều đoạn đi vòng trên đồi, xe máy do

“cửu vạn” chạy đều thả trôi dóc, không bật đèn, chỉ khi ra đến đường cái mới bật đèn.

Nghề “cửu vạn” vượt biên ở Bản Thầu là nghề duy nhất ở vùng biên ải này phải luôn có bạn, có phòong mới làm ăn được, mới có hiệu quả khi chạy trốn công an hay biên phòng. Tuy phải lao động rất nặng nhọc, lại chủ yếu làm vào ban đêm và rất nguy hiểm nhưng do có thu nhập nên số lượng “cửu vạn” tại khu vực cửa khẩu Tân Thanh vẫn ngày càng tăng. Họ bước vào cái nghề “rẻ mạt” này để mưu sinh một cách vô định, bất chấp mọi nguy hiểm.

2.4.3. Bán hàng thuê cho các chủ hàng người Trung Quốc

Ngoài các hình thức làm thuê như bóc vác và “cửu vạn”, người Tày ở Bản Thầu còn đi bán hàng thuê cho các chủ hàng người Trung Quốc, kể cả chủ hàng người Việt. Các gian hàng ở chợ cửa khẩu Tân Thanh có số lượng người Trung Quốc bán rất đông nên họ thường thuê thêm người để bán hàng. Bên cạnh đó, người Trung Quốc còn trực tiếp thuê nhà của đồng bào Nùng ở thôn Nà Lầu, nơi tiếp giáp thôn Bản Thầu để mở cửa hàng bán đồng hồ, âm chén, bát đĩa, giày dép, quần áo, túi xách... Thu nhập trung bình của người Tày đi bán hàng thuê là 2 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, với những người biết tiếng Trung để giao dịch với khách hàng thì được trả công cao hơn, khoảng 3,5 triệu đồng/tháng. Vì thế, sự hiểu biết tiếng Trung cũng là một yếu tố thuận lợi của người Tày ở Bản Thầu để tìm kiếm việc làm tại khu vực cửa khẩu Tân Thanh.

2.4.4. Buôn bán, dịch vụ

Bản Thầu là một trong hai thôn của xã Tân Thanh được Nhà nước thu hồi đất để

xây dựng khu kinh tế cửa khẩu. Sau khi bị mất đất nông nghiệp, Ban Quản lý thương mại Tân Thanh đã phân chia cho mỗi hộ trong bản một ki-ốt bán hàng ngay gần cửa khẩu, mỗi năm phải nộp gần 4 triệu đồng tiền thuê. Do đó, bên cạnh làm nông nghiệp và làm thuê, người Tày ở Bản Thầu còn đi bán hàng tại chợ cửa khẩu. Các mặt hàng ấy chủ yếu là quần áo, giày dép, điện tử... Tuy nhiên, cũng có nhiều hộ trong bản do không quen với thương trường nên họ đã không trực tiếp bán hàng mà cho thuê ki-ốt để lấy tiền. Trong năm 2010, thôn Bản Thầu có 60 hộ cho thuê ki-ốt. Giá thuê mỗi ki-ốt vào thời điểm đó khoảng 40 - 50 triệu đồng/năm tùy địa thế của từng lô: ở mặt đường hay ở bên trong.

Bên cạnh đó, người Tày ở Bản Thầu còn một loại hình dịch vụ nữa là cho thuê nhà trọ. Đây cũng là một cách mưu sinh khá đặc trưng ở cửa khẩu Tân Thanh. Do tận dụng vị trí địa lý gần cửa khẩu - nơi thu hút rất nhiều cư dân ở trong và ngoài tỉnh đến làm ăn, các hộ có nhiều đất đai đã xây những dãy nhà trọ cho nhiều người từ dưới xuôi lên thuê. Đối tượng thuê nhà chủ yếu là những người ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Bình, Hưng Yên, Thái Nguyên...

Ngoài ra, ở Bản Thầu hiện nay cũng đã xuất hiện một số dịch vụ mới như mở nhà hàng cơm phở, tiệm giải khát, chụp ảnh, photocopy, cho thuê xe, và một số công ty nhỏ được thành lập. Tuy nhiên, những dịch vụ này hãy còn ít và chủ yếu thuộc về phần đông hộ gia đình người Tày có nguồn vốn lớn, có kinh nghiệm trong kinh doanh.

3. Tác động của biến đổi sinh kế tới đời sống của người Tày ở thôn Bản Thầu

Nếu như trước năm 1986, hầu hết các hộ người Tày ở Bản Thầu có mức thu nhập

gần ngang bằng nhau và đều thuộc diện nghèo thì từ khi Đổi mới đến nay đã chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ về kinh tế của họ. Sự đổi mới nổi bật nhất được biểu hiện rõ nét ở sự đa dạng hóa ngành nghề. Trước đây, canh tác nông nghiệp là nguồn sinh kế chủ đạo của đồng bào, còn hiện nay người Tày ở Bản Thầu đã có 3 hoạt động sinh kế chính là sản xuất nông - lâm nghiệp; lao động làm thuê; buôn bán, dịch vụ. Thông qua các hoạt động sinh kế này của người Tày ở Bản Thầu cho thấy, đời sống của họ, cả vật chất lẫn tinh thần đã được nâng lên. Phỏng vấn người dân trong bản cho thấy, trước đây tài sản có giá trị của các hộ gia đình người Tày nơi đây là chiếc xe đạp và máy khâu, nhưng từ Đổi mới đến nay, nhà ở của đồng bào ngày càng khang trang với các loại phương tiện và tiện nghi tương đối đầy đủ như ti vi, đầu đĩa, tủ lạnh, điện thoại, xe máy, radio, internet, công cụ lao động bằng máy... Trong tổng số 86 hộ ở Bản Thầu hiện nay chỉ còn 3 hộ nghèo và 3 hộ cận nghèo, còn lại là trung bình và khá giả.

Một trong những thông số cơ bản để nói lên mức sống của hộ gia đình người Tày ở Bản Thầu là thu nhập ngày càng cao trên cơ sở đa dạng nhiều nguồn. Đây là cơ hội để người Tày ở đây có sự lựa chọn những chiến lược sinh kế thích hợp với nhân lực của mỗi gia đình. Nếu so sánh với các bản khác trong xã Tân Thanh, người Tày ở Bản Thầu có thu nhập từ nông nghiệp thấp (20%), nhưng thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp lại rất cao (80%). Tính toán tương quan giữa tỷ lệ hộ và tỷ lệ lao động có nghề phi nông nghiệp cho thấy, 136 lao động/86 hộ ở Bản Thầu, tức trung bình mỗi hộ có 1,7 người có nguồn thu từ lao động phi nông nghiệp.

Sự biến đổi trong sinh kế của người Tày ở Bản Thầu một mặt mang lại những tác động tích cực, làm cho mức thu nhập cao hơn, đời sống người dân được cải thiện nhưng mặt khác nó cũng dẫn đến những biến đổi trong văn hóa - xã hội tộc người. Đối với văn hóa, sự thay đổi dễ nhận thấy nhất thể hiện qua nhà cửa, trang phục, sử dụng ngôn ngữ, nghi lễ chu kỳ đời người. Còn về xã hội, đó là sự thay đổi về cơ cấu hộ gia đình; quan hệ ứng xử trong gia đình, dòng họ, đời sống cộng đồng làng bản; sự xuất hiện các tệ nạn xã hội... Xu hướng biến đổi này cũng là một yếu tố tác động với nhiều địa phương đang trên quá trình đô thị hóa như hiện nay.

Kết luận

Từ năm 1986 đến nay, bên cạnh đổi mới trong kinh tế nông nghiệp của người Tày ở Bản Thầu cũng đã xuất hiện thêm các hình thức sinh kế mới như lao động làm thuê, buôn bán, dịch vụ... Về cơ bản, các hoạt động này đã phần nào giải quyết được tình trạng dư thừa lao động, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân trong bản. Tuy vậy, các nguồn sinh kế ấy thường không ổn định và tiềm ẩn những phức tạp về chính trị - xã hội ở vùng biên. Cùng với các chính sách của Nhà nước hỗ trợ đồng bào phát triển sản xuất, một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự thay đổi trong sinh kế của người Tày nơi đây là việc thu hồi đất để xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Tân Thanh. Đất đai được coi là một nguồn "vốn tự nhiên" có giá trị nhất đối với cư dân nông nghiệp, vì thế, sau khi bị thu hồi đất, người Tày đã phải chuyển sang các hoạt động phi nông nghiệp như làm thuê, "cửu vạn"- vốn là những công việc ít đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao nhưng dự báo cũng

đem lại những rủi ro và thách thức phải đối diện.

Sự biến đổi sinh kế của người Tày ở Bản Thầu đã đặt ra nhiều vấn đề cần suy nghĩ đối với sự phát triển bền vững của người dân ven biên giới quốc gia. Đó là: vấn đề tạo việc làm ổn định cho người dân trong bối cảnh đất sản xuất ngày càng bị thu hẹp; vấn đề gìn giữ văn hóa tộc người trước sự giao lưu và tiếp biến mạnh mẽ trong môi trường đa dân tộc; làm thế nào để hạn chế những rủi ro, bất ổn trong xã hội và chênh lệch khoảng cách giàu - nghèo giữa các hộ gia đình? Thông tin từ nghiên cứu trường hợp ở Bản Thầu cho thấy, các vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu và thảo luận để đưa ra những chính sách và giải pháp phù hợp.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Hà (2008), *Biến đổi chức năng kinh tế hộ gia đình dân tộc Tày huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Viện, Viện Dân tộc học.
2. Nguyễn Văn Sửu (2008), “Tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sinh kế nông dân Việt Nam: Trường hợp một làng ven đô Hà Nội”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ III*.
3. Vương Xuân Tình (2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung (Nghiên cứu về người Hà Nhì ở một làng của tỉnh Lào Cai và một làng thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc)*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Dân tộc học.
4. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. UBND xã Tân Thanh (2011), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2011 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2012*.



Chuyên chở hàng hóa của người Tày tại cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn

Ảnh: Hà Thu